

Bản án số: **79/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-02-2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 594/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Hoàng Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có quan hệ tình cảm với người khác, chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Khoảng năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi chị đi, vợ chồng chị liên lạc với nhau được khoảng 01 năm thì anh L cắt mọi liên lạc của chị. Từ đó vợ chồng chị không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nếu có gì cần nói với nhau, chị và anh L sẽ nói chuyện

thông qua các con. Ngày 21/10/2024, chị về Việt Nam. Lý do chị về nước là vì anh L bảo chị về để vợ chồng làm thủ tục ly hôn. Tuy nhiên sau khi chị về, anh L không đồng ý ly hôn và còn đánh chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Lê .

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 chung là Trần Thị D, sinh ngày 08/4/2003; Trần Thị V, sinh ngày 12/11/2004 và Trần Hoàng L1, sinh ngày 19/5/2009. Hiện cháu V và cháu D đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Do cháu L1 có quan điểm được ở cùng bố nên chị đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng anh đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2014, chị H đi lao động tại Nhật Bản đến năm 2017 thì về nước. Năm 2018, chị H đi lao động tại Đài Loan. Năm 2024, chị H về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Trần Hoàng L1 và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Đối với cháu Trần Thị D và Trần Thị V đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H, anh L đều vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thu H được ly hôn anh Trần Văn Lê .

Về con chung: Giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng L1, sinh ngày 19/5/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với các cháu Trần Thị D, sinh ngày 08/4/2003; Trần Thị V, sinh ngày 12/11/2004 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 08/11/2024, chị Hoàng Thu H về Việt Nam nộp đơn xin ly hôn anh Trần Văn Lê. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án, ngày 24/11/2024, chị H tiếp tục quay lại Đài Loan làm việc và hiện nay chị H đã về Việt Nam. Chị H và anh L đều đang sinh sống tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, chị H, anh L đều vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thu H và anh Trần Văn L kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/12/2001 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết chị H và anh L đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh Lê chơi B, không quan tâm đến vợ con; còn theo anh L trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị H và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh L có 03 con chung là Trần Thị D, sinh ngày 08/4/2003; Trần Thị V, sinh ngày 12/11/2004 và Trần Hoàng L1, sinh ngày 19/5/2009. Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, chị H và anh L đều có quan điểm giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu L1, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Trần Hoàng L1 cho anh L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu L1 cùng anh L là 2.000.000 đồng/1 tháng. Mặc dù anh L có quan điểm không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thu H ly hôn anh Trần Văn Lê .

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Hoàng L1, sinh ngày 19/5/2009 kể từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu L1 tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp

dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh L là 2.000.000 đồng/1tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Bùi Ngọc D1 nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0005328 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị H chưa nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

